

UBND PHƯỜNG HÀ ĐÔNG
TRƯỜNG TH NGUYỄN DU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/QĐ-THND

Văn Quán, ngày 08 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách 6 tháng cuối năm năm 2025
của trường TH Nguyễn Du

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính “Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ”; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ
- Căn cứ tình hình đối chiếu thực hiện ngân sách tại kho bạc 6 tháng cuối năm 2025 của trường TH Nguyễn Du.
- Xét đề nghị của bộ phận kế toán, tài vụ trường TH Nguyễn Du.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách 6 tháng cuối năm năm 2025 của trường TH Nguyễn Du

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng kế toán tài vụ;
- Lưu :VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Ngô Thị Hồng Lương

Đơn vị: Trường TH Nguyễn Du

Chương: 622

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
6 THÁNG CUỐI NĂM**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

DVT: Triệu đồng

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường TH Nguyễn Du công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng cuối năm như sau:

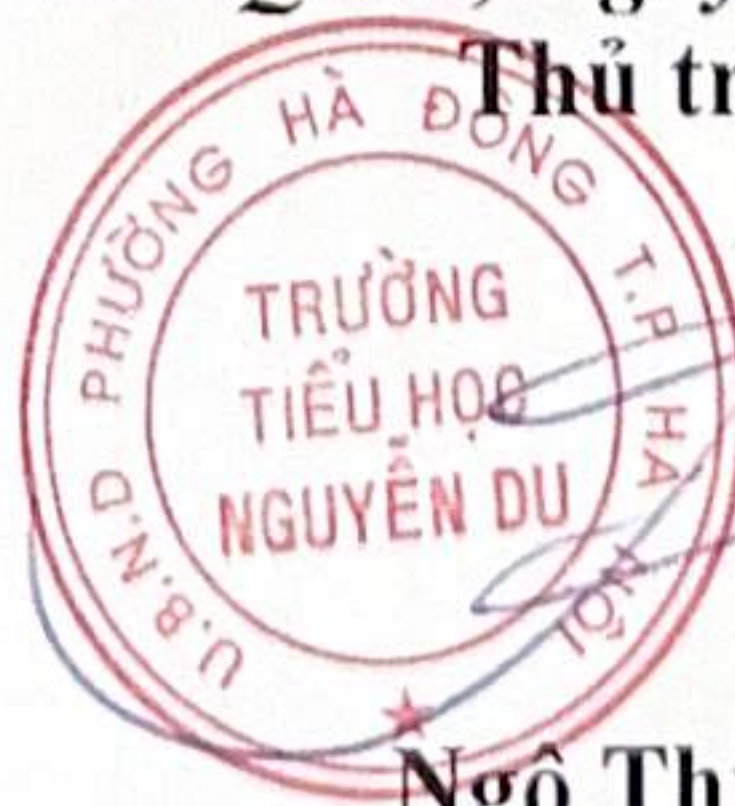
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	-	-	0,00%	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	0,00%	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	0,00%	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	0,00%	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước		10.433		
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.746	6.941	50,49%	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.024	3.492	26,81%	

Văn Quán, Ngày 08 tháng 1 năm 2026

Người lập biểu

Phí Thị Huyền

Thủ trưởng đơn vị



Ngô Thị Hồng Lương

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/BVDT

BẢNG ĐỔI CHIEU DỰ TOÁN PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2025

[illegible]

KHO BÁC NHÀ NƯỚC

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày.....tháng.....năm.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Kê toán trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên, đóng dấu)

Champs

TRƯỜNG
TIỂU HỌC
NGUYỄN DU

[Signature]

Phí Thị Huyền

Ngô Thị Hồng Lương

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học Nguyễn Du
Mã DVQHNS: 1090597
Mã cấp NS: 3

BẢNG ĐOỊ CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Kinh phí không tự chủ - Không giao khoán	12	072					3.492.147.246	3.492.147.246	3.492.147.246	3.492.147.246
Lương theo ngạch, bậc			6001				1.883.350.666	1.883.350.666	1.883.350.666	1.883.350.666
Phụ cấp chức vụ			6101				21.391.296	21.391.296	21.391.296	21.391.296
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112				643.461.090	643.461.090	643.461.090	643.461.090
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			6113				5.008.708	5.008.708	5.008.708	5.008.708
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề			6115				408.171.045	408.171.045	408.171.045	408.171.045
Bảo hiểm xã hội			6301				405.157.827	405.157.827	405.157.827	405.157.827
Bảo hiểm y tế			6302				69.455.656	69.455.656	69.455.656	69.455.656
Kinh phí công đoàn			6303				32.999.089	32.999.089	32.999.089	32.999.089
Bảo hiểm thất nghiệp			6304				23.151.869	23.151.869	23.151.869	23.151.869
Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ			6404							
Kinh phí giao tự chủ, giao khoán	13						6.941.985.270	6.941.985.270	6.941.985.270	6.941.985.270
Lương theo ngạch, bậc			6001				3.308.355.854	3.308.355.854	3.308.355.854	3.308.355.854
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			6051				101.790.000	101.790.000	101.790.000	101.790.000
Phụ cấp chức vụ			6101				37.576.704	37.576.704	37.576.704	37.576.704
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112				1.130.323.867	1.130.323.867	1.130.323.867	1.130.323.867
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			6113				8.797.292	8.797.292	8.797.292	8.797.292
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề			6115				717.004.457	717.004.457	717.004.457	717.004.457
Bảo hiểm xã hội			6301				729.526.688	729.526.688	729.526.688	729.526.688

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Bảo hiểm y tế	13	072	6302				125.061.707	125.061.707	125.061.707	125.061.707
Kinh phí công đoàn			6303				59.754.552	59.754.552	59.754.552	59.754.552
Bảo hiểm thất nghiệp			6304				41.687.240	41.687.240	41.687.240	41.687.240
Tiền điện			6501				104.462.751	104.462.751	104.462.751	104.462.751
Tiền nước			6502				45.954.000	45.954.000	45.954.000	45.954.000
Tiền vệ sinh, môi trường			6504				61.193.586	61.193.586	61.193.586	61.193.586
Văn phòng phẩm			6551				15.538.694	15.538.694	15.538.694	15.538.694
Khoản văn phòng phẩm			6553				16.250.000	16.250.000	16.250.000	16.250.000
Thuế bao kênh vệ tinh; thuế bao cấp truyền hình; cước phí Internet; thuế đường truyền mạng			6605				5.849.880	5.849.880	5.849.880	5.849.880
Phiếu ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện			6608				4.270.900	4.270.900	4.270.900	4.270.900
Thuế lao động trong nước			6757				296.800.662	296.800.662	296.800.662	296.800.662
Các thiết bị công nghệ thông tin			6912				29.909.500	29.909.500	29.909.500	29.909.500
Tài sản và thiết bị văn phòng			6913				750.000	750.000	750.000	750.000
Các thiết bị công nghệ thông tin			6956				11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000
Chi mua hàng hóa, vật tư			7001				45.489.536	45.489.536	45.489.536	45.489.536
Chi khác			7049				26.816.400	26.816.400	26.816.400	26.816.400
Chi các khoản phí và lệ phí			7756				17.321.000	17.321.000	17.321.000	17.321.000

Văn Quán, ngày 8 tháng 1 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai quyết toán thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2025

căn cứ thông tư 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/09/2020 của bộ giáo dục và đào tạo ban hành điều lệ trường tiểu học.

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính “Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị quyết toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ”; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị quyết toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ quyết định số 21/QĐ-THND ngày 08/01/2026 về việc công bố công khai quyết toán ngân sách 6 tháng cuối năm năm 2025

Trường tiểu học Nguyễn Du thông báo về việc niêm yết công khai việc công bố công khai quyết toán ngân sách 6 tháng cuối năm năm 2025

- Bộ phận thực hiện niêm yết công khai: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Thanh tra nhân dân, Văn thư.
- Địa điểm niêm yết: Phòng Hội đồng trường, bảng tin, trang thông tin điện tử của nhà trường.
- Thời gian niêm yết: Từ ngày 10/01/2026 đến hết ngày 15/04/2026
- Tổng số ngày niêm yết: 96 ngày
- Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 10/01/2026 đến hết ngày 15/04/2026
- Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hòm thư của nhà trường. (c1nguyendu-hadong@hanoiedu.vn)
- Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: chậm nhất là ngày 20/04/2026

Nơi nhận:

- Phòng kế toán tài vụ;
- Lưu :VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Ngô Thị Hồng Lương